TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DSST

Ngày 10/01/2023

V/v: "Tranh chấp HĐ vay TS"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Miện
2. Ông Bùi Thế Hanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc – Thư ký TAND huyện Hiệp Hòa
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: thụ lý số 207/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **số** 136/2022/QĐXXST-DS ngày 14/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn T Sơn, xã Hùng Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang

Do ông Đoàn Văn T, sinh năm 1958 (là chồng và cùng địa chỉ với bà B) đại diện theo ủy quyền (bà Bvà ông T đều có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Việt P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T Sơn, xã Hùng Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Văn T (là chồng bà B, có mặt)

*3.2.*Chị Ngô Thị N, sinh năm 1990 (là vợ và cùng địa chỉ với anh P, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2022, các bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà B) là ông Đoàn Văn T trình bày: Do có mối quan hệ là người cùng thôn, đồng thời anh P là bạn bè với con trai ông bà nên anh P đã vay tiền của ông bà nhiều lần để làm vốn kinh doanh. Ông bà đã cho anh P vay tổng cộng 850.000.000đ, cụ thể như sau:

- Ngày 14/01/2021 cho vay : 80.000.000 đồng
- Ngày 13/3/2021 cho vay 100.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2021 cho vay: 150.000.000 đồng
- Ngày 25/7/2021 cho vay 120.000.000 đồng
- Ngày 26/9/2021 cho vay 200.000.000 đồng
- Ngày 10/2/2022 cho vay 200.000.000 đồng.

Các lần vay tiền đều có biên nhận vay, anh P là người trực tiếp ký dưới mục người vay tiền. Khi vay đôi bên có thỏa lãi suất là 11%/ năm nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi trong giấy vay tiền. Anh P đã thanh toán trả lãi đến hết tháng 5/2022 âm lịch. Toàn Bsố tiền gốc và tiền lãi tiếp theo anh P chưa thanh toán trả mặc dù ông bà đã đòi nhiều lần. Nay bà Bkhởi kiện yêu cầu anh P phải trả toàn Bsố tiền gốc đã vay và tiền lãi suất theo thỏa thuận (11%/năm) kể từ tháng 6/2022 âm lịch đến nay.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2022, bị đơn anh Bùi Việt P thừa nhận toàn Bsố tiền gốc đã vay cũng như các lần vay tiền như bà Bđã trình bày, anh là người trực tiếp ký vay với bà B. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng mức lãi suất là 2000đ/1 triệu/1 ngày. Anh đã trả lãi cho vợ chồng bà Bđến tháng 5/2022 âm lịch. Nay anh đồng ý với yêu cầu của bà Bvề việc đòi số tiền gốc đã vay là 850.000.000đ và tiền lãi kể từ tháng 6/2022 theo mức mà bà Bđưa ra nhưng anh xin trả dần.

Tại các Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị là vợ của anh Bùi Việt P, toàn Bkinh tế gia đình do anh P quản lý. Chị không biết việc anh P vay tiền của bà B, không được sử dụng số tiền này nên chị không có nghĩa vụ trả tiền cho bà B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bvà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu về việc yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền gốc đã vay là 850.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ tháng 6/2022 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ông bà không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ liên đới trả). Bị đơn là anh P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bluật tố tụng dân sự. Phía nguyên đơn có ý

thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 của Bluật tố tụng dân sự; Điều 463, 466; 468 của Bluật dân sự năm 2015 và Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc anh Bùi Việt P có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B- ông Đoàn Văn T số tiền gốc là 850.000.000đ và tiền lãi suất là 45.152.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 895.152.000đ.

- Về án phí: Buộc anh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.854.400đ. Trả lại cho bà Btiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Đề nghị tuyên lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là anh Bùi Việt P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị N vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, do đó, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bluật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Bvà các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo thể hiện việc bà Bkhởi kiện đòi bị đơn số tiền theo giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ mà đôi bên ký kết, việc Tòa án thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp vay tài sản là đúng quy định. Kể từ thời điểm vay đến nay chưa quá 3 năm, mặt khác không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên việc bà Bnộp đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được thụ lý, giải quyết theo quy định của Bluật tố tụng dân sự.

[3]. Xem xét các yêu cầu của người khởi kiện:

- Về số tiền gốc, xác định nghĩa vụ trả nợ: Ngoài đơn khởi kiện, bản tự khai, bà Bnộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là các Giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của bên vay là anh Bùi Việt P. Phía bị đơn là anh Bùi Việt P thừa nhận các lần vay tiền và tổng số tiền vay như bà Bđưa ra. Vì vậy có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà B(do bà bà Btrực tiếp) cho anh P vay tổng cộng số tiền 850.000.000đ. Nay anh P cũng thừa nhận chưa trả số tiền này mặc dù vợ chồng bà Bđòi nhiều lần, vì vậy, việc bà Bkhởi kiện đòi anh P trả số tiền gốc đã vay nêu trên là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 275, 463, 466 Bluật dân sự năm 2015.

Anh P là người trực tiếp vay tiền, chị N không biết việc anh P vay tiền, cũng không có căn cứ xác định chị N được sử dụng số tiền này, mặt khác vợ chồng bà Btại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chỉ yêu cầu anh P trả nên không có căn cứ để buộc chị N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng anh P.

- Về lãi suất: Các bên đương sự đều xác định khi vay tiền có thỏa thuận về lãi suất nhưng do nội dung này không được ghi rõ trong giấy vay tiền, đến nay lời khai các bên cũng không thống nhất về mức lãi khi vay nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền giữa đôi bên là hợp đồng vay có lãi nhưng không rõ lãi suất. Nay bà Byêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, cần áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bluật dân sự, cụ thể là 10%/năm để buộc anh P phải trả cho vợ chồng bà B. Các bên đều thừa nhận trả lãi đến tháng 5/2022 âm lịch nên việc bà Byêu cầu tính lãi suất kể từ tháng 6/2022 âm lịch (tức 29/6/2022 dương lich) là có căn cứ. Tính đến ngày xét xử (10/01/2023), tổng cộng là 06 tháng 12 ngày, cụ thể như sau:

(850.000.000đ x 0,83% x 6) + (850.000.000đ x 0,83% : 30 x 12) = 45.152.000đ.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất buộc anh P phải trả cho vợ chồng bà B- Ông T là 895.152.000đ.

[5]. Về án phí: Anh P không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 144, 147, 227, 271, 273 của Bluật tố tụng dân sự; Điều 275, 463, 466, 468 của Bluật dân sự; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B: Buộc anh Bùi Việt P phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B– ông Đoàn Văn T số tiền gốc là 850.000.000đ và tiền lãi suất là 45.152000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 895.152.000đ (tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bluật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Anh Bùi Việt P phải chịu 38.854.400đ (ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bsố tiền 18.750.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008372 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bluật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND huyện Hiệp Hoà*
- *Chi cục THA DS Hiệp Hoà*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà